

Số: /BNN-QLDN

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v: Nghiên cứu kiến nghị của doanh nghiệp tại Diễn đàn VBF thường niên

Kính gửi: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp văn bản số 818/BKHĐT-PTDN ngày 10/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc nghiên cứu kiến nghị của doanh nghiệp tại Diễn đàn VBF thường niên năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Kiến nghị số 79 (Phát triển thị trường trái cây, rau củ hữu cơ và cải thiện chính sách an toàn thực phẩm về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong ngành rau quả) của Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu

Về cơ bản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng tình với kiến nghị, đề xuất của Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu trong việc phát triển thị trường trái cây, rau củ song song với cải thiện chính sách an toàn thực phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản Việt Nam.

Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả của Việt Nam những năm gần đây đã có bước tăng trưởng khá cao và ổn định. Năm 2021, xuất khẩu rau củ quả của Việt Nam đạt 3,5 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ 2020, trong đó:

- Xuất khẩu trái cây đạt hơn 2,4 tỷ USD, tăng 8,0%, chiếm 90,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước. Cơ cấu chủng loại: thanh long 42,8%, dưa 11%, sầu riêng 9,5%, mít 7,4%, chuối 7,3%, các loại khác 22%. Thị trường xuất khẩu trái cây Việt Nam đã trải rộng tới hơn 170 nước trên thế giới, trong đó cả những thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Úc, New Zealand, EU,... Trung Quốc 42,8% (đạt hơn 1,6 tỷ USD, tăng 4,0%), Thái Lan 7,4% (đạt 119,9 triệu USD, giảm 9,5%), Hoa Kỳ 7,3% (đạt 102,0 triệu USD, tăng 39,9%);

- Xuất khẩu rau củ đạt 263,8 triệu USD, giảm 2,6%, chiếm 9,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước. Chủng loại: ớt là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 25,1% trong tổng xuất khẩu rau củ cả nước (đạt 66,2 triệu USD, tăng 5,4%); khoai lang chiếm tỷ trọng 14,3% xuất khẩu rau củ cả nước (đạt 37,6 triệu USD, giảm 39,5% so với cùng kỳ năm trước); đậu các loại 8,4%, súp lơ 6,4%,...

Trong lĩnh vực sản xuất hữu cơ, tổng diện tích canh tác hữu cơ đã tăng từ 53,35 ngàn ha năm 2016 lên khoảng 237.693 ha năm 2019. Hiện có 46/63 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã hình thành và phát triển các mô hình sản xuất

nông nghiệp hữu cơ với số nông dân tham gia sản xuất hữu cơ là 17.168 người. Số lượng doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ là 97 doanh nghiệp, và 60 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ với kim ngạch khoảng 335 triệu USD/năm. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam được tiêu thụ trong nước và hiện đã xuất khẩu đi 180 nước trên thế giới, trong đó có Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật, Đức, Anh, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italia... là những thị trường tiêu thụ nông sản hữu cơ lớn nhất trên thế giới. (Theo điều tra công bố năm 2020 của Tổ chức Nông nghiệp quốc tế IFOAM).

Những kết quả quan trọng trên đây là thành quả sự nỗ lực của toàn ngành nông nghiệp; từ bà con nông dân, cộng đồng doanh nghiệp, các đơn vị nghiên cứu-chuyển giao tiến bộ công nghệ và các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.

a) Về cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ:

Với chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công, những năm gần đây Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Chính phủ ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ (trong đó có các sản phẩm rau, củ, quả). Cụ thể như sau:

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ;

- Ban hành Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ;

- Xây dựng và Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020;

- Ban hành Quyết định số 5317 /QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28/12/2020 phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

- Quyết định số 230/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/01/2019 ban hành định mức cho mô hình sản xuất lúa gạo hữu cơ; Sản xuất hữu cơ với các cây cải xanh ăn lá, rau dền, mồng tơi, su hào, hành lá, cải bắp, cà chua, bí xanh, mướp đắng;

- Quyết định số 724/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/3/2020 ban hành định mức cho mô hình thâm canh chè hữu cơ;

- Quyết định số 1118/QĐ-BNN-KHCN ngày 31/3/2020 ban hành định mức sản xuất phân hữu cơ vi sinh phục vụ cho sản xuất cây trồng hữu cơ.

Nội dung hỗ trợ sản xuất-kinh doanh nông nghiệp hữu cơ (theo Điều 16, 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/8/2018) gồm:

- Chính sách ưu tiên sản xuất nông nghiệp hữu cơ (như Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch);

- Một số chính sách đặc thù hỗ trợ đối tượng hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ...;

- Hỗ trợ chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại);

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ, Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN).

Để chuẩn hóa các quy trình hướng dẫn sản xuất theo hướng hữu cơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì xây dựng Bộ Tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ và đã ban hành 08 tiêu chuẩn hướng dẫn cụ thể các yêu cầu đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm hữu cơ, bao gồm:

- TCVN 11041-1:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;

- TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ;

- TCVN 11041-3:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ;

- TCVN 12134:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Yêu cầu đối với các tổ chức chứng nhận;

- TCVN 11041-5:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 5: Gạo hữu cơ;

- TCVN 11041-6:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 6: Chè hữu cơ;

- TCVN 11041-7:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 7: Sữa hữu cơ;

- TCVN 11041-8:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 8: Tôm hữu cơ.

Hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan từng bước hình thành hệ thống tổ chức chứng nhận của Việt Nam được thừa nhận bởi các quốc gia nhập khẩu, tổ chức chứng nhận quốc tế. Đồng thời rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất và quản lý nông nghiệp hữu cơ phù hợp với thế giới nói chung, các thị trường nhập khẩu nói riêng.

b) Về cải thiện chính sách an toàn thực phẩm:

Theo pháp luật Việt Nam, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là các mặt hàng kinh doanh có điều kiện phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận được phép lưu hành. Từ nhiều năm nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm soát chất lượng cũng như kiểm soát tồn dư hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản.

- Đối với phân bón: là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận được phép lưu hành tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Trồng trọt (trừ các sản phẩm phân bón được quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài). Các phân bón được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam đã được cập nhật thường xuyên trên cơ sở dữ liệu phân bón quốc gia (www.ppd.gov.vn). Phân bón sử dụng trong nông nghiệp hữu cơ đã được quy định tại TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ;

- Đối với thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) là loại hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được quản lý theo danh mục theo quy định tại Điều 48 Luật Bảo vệ và KDTV. Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam. Hiện nay, Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam đã được ban hành tại Thông tư số 10/2020/TT-BNNPTNT ngày 9/9/2020.

Trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cũng như xây dựng các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ, đồng thời với chính sách kiểm soát an toàn thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế.

2. Kiến nghị số 80 (Chuỗi giá trị thịt phù hợp với các cơ hội của hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn toàn đồng tình với đề xuất của Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu về nội dung này. Việc hiện đại hóa hệ thống chăn nuôi, cải thiện các mắt xích trong chuỗi giá trị, hiện đại hóa ngành chế biến thịt được coi là những giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

Tại Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 6/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 (Chiến lược phát triển Chăn nuôi), mục tiêu của ngành chăn nuôi đã được nêu rõ “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi nước ta thuộc nhóm các quốc gia tiên tiến trong khu vực”, đối với từng lĩnh vực cụ thể như sau:

Về phương thức chăn nuôi và giống vật nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại công nghiệp với các giống cao sản, đồng thời mở rộng quy mô chăn nuôi theo hướng hữu cơ, truyền thống với các giống bản địa, lai giữa giống cao sản và giống bản địa.

Về sản xuất thức ăn chăn nuôi: Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp sản xuất nguyên liệu, thức ăn bổ sung, nhất là công nghệ sinh học nhằm đáp ứng đủ các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất dùng trong chăn nuôi và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp trong nước, như: bã, men bia, bã dứa, bã sắn, tiết và phụ phẩm lò mổ, vỏ đầu tôm, đầu xương và mỡ cá tra...

Về giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi: Nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung theo hướng hiện đại các loại vật nuôi bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; phát triển mạnh mẽ công nghiệp chế biến và chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi làm tăng sức mua trong nước và đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu xuất khẩu.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đang trình Chính phủ phê duyệt 5 dự án ưu tiên để thực hiện Chiến lược phát triển Chăn nuôi, trong đó có đề án (1) Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi; (2) Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; (3) Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi; (4) Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi; (5) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ, khuyến nông trong chăn nuôi và tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi. Các đề án này, khi được phê duyệt và triển khai, các đề án này giúp ngành phát triển để đạt mục tiêu trong chiến lược đề ra.

Đối với kiến nghị về cải thiện các mắt xích trong chuỗi giá trị chăn nuôi, đây chính là khâu yếu của ngành nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi nói riêng. Nếu không cải thiện được liên kết các khâu này sẽ dẫn đến mất cân đối cung - cầu, không kiểm soát được chất lượng và an toàn thực phẩm. Nhà nước khuyến khích các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm chăn nuôi, thể hiện qua các văn bản pháp luật quan trọng bao gồm Luật, Nghị định, Chiến lược để phát triển ngành chăn nuôi, cụ thể như sau:

- Tại Điều 9 Luật Chăn nuôi về Hợp tác, liên kết sản xuất trong chăn nuôi có nêu rõ: (1) Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị trong hoạt động chăn nuôi để có đủ sản phẩm bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường; nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia. (2) Tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác, liên kết sản xuất trong chăn nuôi phải ký kết hợp đồng, được hưởng chính sách quy định tại Điều 4 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. (3) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau đây: a) Tạo điều kiện và hỗ trợ các bên tham gia đàm phán, ký kết và thực hiện cam kết trong hợp đồng liên kết sản xuất,

tiêu thụ sản phẩm; b) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm chăn nuôi;

- Điều 1, mục IV, khoản 9 của Chiến lược phát triển Chăn nuôi nêu rõ:

+ Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã;

+ Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cũng đã có những điều, khoản để khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết giữa các mắt xích trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp nói chung và chăn nuôi nói riêng, trong đó có hỗ trợ về chi phí tư vấn xây dựng liên kết, hạ tầng phục vụ liên kết, khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

Với hệ thống chính sách được thực thi hiệu quả sẽ có tác dụng đòn bẩy, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư phát triển chăn nuôi, chế biến sản phẩm chăn nuôi, trong đó có nhiều doanh nghiệp định hướng theo mô hình chuỗi giá trị sản phẩm. Điển hình là các doanh nghiệp trong nước như TH, Vinamilk, Masan, Dabaco, Hùng Nhon, Tân Long, Trường Hải, Hòa Phát, Mavin...; doanh nghiệp nước ngoài như CP, Deheur, Jafa Comfeed, CJ,

3. Kiến nghị số 81 (Lấy 2021 làm năm chuyển tiếp quan trọng để nền nông nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển trong tương lai) và Kiến nghị số 82 (Phát huy vai trò trung tâm của nông dân)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với đề xuất của Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAABS) thuộc Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu về việc xác định các mục tiêu chiến lược đến năm 2050, nghiên cứu dự báo nhu cầu thực phẩm và tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam, xây dựng quy hoạch nông nghiệp đến năm 2030 cũng như đề xuất của Crop Life về khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp và giúp nông dân tiếp cận kỹ thuật, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay Bộ đang tích cực triển khai nhiều hoạt động để tổ chức

thực hiện Chiến lược, bao gồm kế hoạch hành động cụ thể của Bộ và kế hoạch này sẽ bao gồm những ý kiến nêu trên của FAABS và Crop Life. Vì vậy, có thể nói là năm 2021 là một năm chuyển tiếp quan trọng của nông nghiệp Việt Nam đúng như kiến nghị của Tiểu ban.

Văn phòng SPS thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời là đầu mối của Bộ hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương xuất khẩu để thực hiện hiệu quả các FTA như đề xuất. Ngoài ra, trong Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng đã khẳng định vai trò trung tâm của người nông dân đồng thời có nhiều định hướng nhằm phát huy vai trò trung tâm của người nông dân như nâng cao trình độ người nông dân, chuyên nghiệp hóa người nông dân, đổi mới thể chế thúc đẩy liên kết hợp tác giữa những hộ nông dân.

4. Đối với Kiến nghị số 83 (Khuyến khích sản xuất nguyên liệu đầu vào) của Nhóm công tác nông nghiệp

Theo số liệu từ Tổng Cục Hải quan, năm 2021 nhập khẩu các nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước tăng kỷ lục (đậu tương 1,2 tỷ USD, tăng 52,1%; ngô 2,9 tỷ USD, tăng 20,3%; lúa mì 1,36 tỷ USD, tăng 80,6%; hạt điều 4,2 tỷ USD, tăng 133%; phân bón 1,47 tỷ USD, tăng 54,4%; TACN 4,86 tỷ USD, tăng 26,5%) so với năm 2020. Việc đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu do dịch bệnh Covid-19 và đặc biệt do giá vận chuyển container trên một số tuyến chính đều tăng trên 100%, có nơi trên 200%¹, tình trạng ùn ứ hàng nông sản tại biên giới Trung Quốc do áp dụng chính sách “không Covid” đã khiến chi phí sản xuất của một số ngành phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu (TACN, chế biến điều, phân bón) tăng cao².

Đến cuối năm 2021 đầu năm 2022, hoạt động nhập khẩu nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất trong nước của Việt Nam đã ổn định trở lại. Đối với một số ngành phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu như sản xuất thức ăn chăn nuôi, hạt điều, phân bón, để giảm phụ thuộc từ nguồn nhập khẩu, cần phải có một chiến lược dài hạn. Song song với phát triển nguồn cung trong nước, cần phải đầu tư đổi mới công nghệ, tận dụng các nguyên liệu có sẵn trong nước.

Về nội dung này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thuận với kiến nghị của Diễn đàn doanh nghiệp là cần phải tăng cường đầu tư vào sản xuất nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên đây là một lĩnh vực rất rộng liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, vì vậy cần có những nghiên cứu cụ thể, với một số đầu vào

¹ Giá cước container hàng xuất khẩu, nhập khẩu sang bờ đông nước Mỹ năm 2020 chỉ khoảng 3.500-4.000 USD/container, nhưng cuối năm 2021, đã tăng lên 15.000 USD, thậm chí 18.000 USD/container

² Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, giá nhập khẩu các loại nguyên liệu năm 2021 đều tăng: bông tăng 23,8%, hạt điều thô tăng 16,5%, lúa mì tăng 14,1%, ngô tăng 44,9%, phân bón các loại tăng 28,5%, đậu tương tăng 41,5% so với năm 2020

phát triển dựa trên lợi thế của Việt Nam có thể giảm phụ thuộc vào nhập khẩu; trong khi đó một số nguyên liệu có thể vẫn duy trì nhập khẩu nếu nhập khẩu mang lại hiệu quả cao hơn. Trong thời gian tới Bộ sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện một số giải pháp khác như:

- Nghiên cứu giải pháp sử dụng các nguyên liệu trong nước như: ngô sinh khối, lúa gạo, cỏ... để sử dụng cho chăn nuôi giảm nhập khẩu nguyên liệu;
- Nghiên cứu giải pháp, chính sách phát triển vùng nguyên liệu hạt điều trong nước;
- Xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp tuần hoàn bền vững nhằm giảm sử dụng nguyên liệu đầu vào.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp tại Diễn đàn VBF thường niên năm 2021. Đề nghị quý cơ quan xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- TT. Trần Thanh Nam (để b/c);
- Cục Chăn nuôi;
- Cục Chế biến và PTTTNS;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Viện Chính sách và CL PTNNNT;
- Lưu: VT,QLDN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Trường Thắng